

Bổ sung loài Gừng lá sáng bóng (*Zingiber nitens* M. F. Newman) (Zingiberaceae) cho hệ thực vật Việt Nam

Nguyễn Việt Hùng¹, Lê Thị Hương¹, Đỗ Ngọc Đài^{2,*}
Lý Ngọc Sâm³, Nguyễn Trung Thành⁴

¹Khoa Sinh học, Trường Đại học Vinh, Nghệ An, Việt Nam

²Khoa Nông Lâm Ngư, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

³Viện Sinh thái Miền Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

⁴Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN, 334 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 16 tháng 12 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 15 tháng 3 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 6 năm 2017

Tóm tắt: Trong quá trình nghiên cứu họ Gừng (Zingiberaceae) ở Bắc Trung Bộ, chúng tôi đã phát hiện và bổ sung loài *Zingiber nitens* M.F. Newman cho hệ thực vật Việt Nam, nâng tổng số loài của chi Gừng (*Zingiber*) lên 35 loài.

Từ khóa: *Zingiber nitens*, chi Gừng, họ Gừng, Nghệ An, Hà Tĩnh.

1. Đặt vấn đề

Trên thế giới, chi Gừng (*Zingiber* Mill.) có khoảng 144 loài, phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới châu Á [1-3]. Ở Việt Nam, chi Gừng có khoảng 34 loài. Chi Gừng hiện đã biết có 8 loài có hoa ở ngọn [4, 5]. Loài *Zingiber nitens* mới được công bố cho khoa học từ Lào [6]. Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi bắt gặp loài này phân bố khá rộng ở Miền Trung và giáp biên giới Việt Lào, do đó ghi nhận đây là loài bổ sung của chi *Zingiber* (Zingiberaceae) cho hệ thực vật Việt Nam. Như vậy chi Gừng (*Zingiber*) hiện ở Việt Nam được ghi nhận là 35 loài.

2. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

Vật liệu nghiên cứu là các đại diện của chi *Zingiber* ở Việt Nam, bao gồm các mẫu khô được lưu giữ ở phòng mẫu thực vật, Khoa Sinh, Trường Đại học Vinh; Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Paris, Viện Sinh học Nhiệt đới; Viện thực vật Côn Minh, Bảo tàng mẫu Thực vật, Đại học KHTN-ĐH Quốc gia Hà Nội; các mẫu vật thu được trong quá trình điều tra thực địa.

Chúng tôi sử dụng phương pháp hình thái so sánh để định tên khoa học. Đây là phương pháp truyền thống được sử dụng trong nghiên cứu phân loại thực vật từ trước đến nay.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Mô tả: Cây cao 0,65-1,5 m, thân giả có đường kính khoảng 1-1,2 cm, bẹ lá màu xanh

*Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-916567908.

Email: daidn23@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1140/vnunst.4502>

đen, những lá ở phía dưới, có lông thô màu trắng, lưỡi lá dài 3-5 mm, khi còn non xanh mờ, nhưng sớm trở sang nâu, ở hai bên mép. Cuống lá màu xanh nhạt, phiến lá hình bầu dục hẹp, cỡ 18-25 x 2-3 cm, nhẵn và sáng bóng, gân đáy phiến lá tròn, đỉnh thuôn nhọn. Cụm hoa thẳng, hình chùy, hình trụ hay hình thoi, mọc trên ngọn, cỡ 9-13 x 1,3-2 cm; mang 9-15 lá bắc, mỗi lá bắc con mang 3-4 hoa, cỡ 3,5 x 3,3 cm, bóng, xanh đậm, nhẵn, bề mặt có vài tuyến dầu, đỉnh nhọn, hoa đầu tiên của cụm hoa không có lá bắc, hoa tiếp theo có lá bắc hình thuyền, mở đến đáy, cỡ 2 x 0,65 cm, mờ đục ở đáy, màu xanh ở đáy, nhẵn. Đài hoa hình ống, cỡ 1,3-1,6 x 0,4 cm, đục mờ, nhẵn, xẻ sâu 1 bên, phía trên chia thành hai răng ngắn, ống tràng dài 3,0-3,1 cm, hơi rộng về phía đỉnh, gốc cánh hoa màu trắng, ở đỉnh màu vàng nhạt, các thùy bên màu vàng nhạt, nhẵn, hình gân tam giác, cỡ 1,9-2,1 x 0,6 cm, cánh môi hình elip có kích thước 1,8 x 1,1-1,25 cm, màu tối với những điểm nhỏ màu vàng và mảng màu vàng ở giữa. Chi nhị dài 0,25-0,3 x 0,3 cm, màu vàng, bao phấn 0,11 x 4 mm, mào bao phấn dài 0,9-1 cm, vòi nhụy màu trắng nhẵn, núm nhụy trắng, tròn, chỉ hơi rộng hơn vòi nhụy, bầu hình trụ, cỡ 0,35 x 0,25 cm, nhẵn, ba ô không rõ ở đáy, cụm hoa dài cỡ 10 cm. Quả hình tam giác, cỡ 1,5 x 1 cm. Hạt hình bầu dục, có áo hạt màu trắng.

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 5-7; mùa quả tháng 6-11. Cây gặp ở trong rừng nguyên sinh, rừng thứ sinh, dưới tán rừng ẩm, ven suối ở độ cao 300-900 m.

Phân bố: Mới ghi nhận ở Nghệ An (VQG Pù Mát: Khe Kèm, Khe Bu; Khu BTTN Pù Huống: Bình Chuẩn, Khu BTTN Pù Hoạt: Hạnh Dịch, Châu Thôn; Kỳ Sơn: Nậm Càn), Hà Tĩnh (Vũ Quang: Đốc Dê; Hương Sơn: Khe Nước Sốt). Còn có ở Lào.

Mẫu nghiên cứu: NGHỆ AN, NVH 143, 145, 148; DND: 268, 284, 327; HÀ TĨNH DND: 268, 284, 327.

Giá trị sử dụng: Toàn cây cho tinh dầu, hàm lượng tinh dầu ở lá, thân giả và thân rễ tương ứng là 0,23; 0,19 và 0,3% trọng lượng tươi.

Bàn luận: Đây là loài mới công bố ở Lào và được đề nghị đưa vào IUCN, tuy nhiên theo nghiên cứu của chúng tôi thì loài này phân bố khá phổ biến và gặp với tần suất nhiều ở Nghệ An và Hà Tĩnh đặc biệt là trong VQG Vũ Quang, Pù Mát và Khu BTTN Pù Huống, Pù Hoạt, ngoài ra phân bố nhiều ở dọc biên giới của các huyện Kỳ Sơn, Thanh Chương, Hương Sơn, Hương Khê và Lào.

4. Kết luận

Đã bổ sung loài *Zingiber nitens* M. F. Newman cho hệ thực vật Việt Nam nâng tổng số loài hiện biết lên 35 loài.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số: 106-NN.03-2014.23

Tài liệu tham khảo

- [1] Schumann, K.M. (1904). Zingiberaceae. In: Engler, H.G.A. (ed) Das Pflanzenreich: regni vegetabilis conspectus, IV, 46, Heft 20. Leipzig: W. Engelmann.
- [2] Theerakulpisut, P., Triboun, P., Mahakham, W., Maensri, D., Khampila, J. & Chantaranothai, P. (2012). Phylogeny of the genus *Zingiber* (Zingiberaceae) based on nuclear ITS sequence data. *Kew Bull.* 67(3) 389-395.
- [3] Triboun, P., Larsen, K. & Chantaranothai, P. (2014). A key to the genus *Zingiber* (Zingiberaceae) in Thailand with descriptions of 10 new taxa. *Thai J. Bot.*, 6(1): 53-77.
- [4] Nguyễn Quốc Bình, Nghiên cứu phân loại họ Gừng (Zingiberaceae) ở Việt Nam, Luận án Tiến sĩ Sinh học, Hà Nội, 2011.
- [5] Jana Leong-Skornickova, Quốc Bình Nguyễn, Hữu Đăng Trần, Otakar Šída, Romana Rybková, Bá Vương Trương (2015), Nine new *Zingiber* species (Zingiberaceae) from Vietnam, *Phytotaxa* 219 (3): 201-220
- [6] M.F. Newman, A new species of *Zingiber* (Zingiberaceae) from Lao P.D.R., *Gardens' Bulletin Singapore* 67(1): 123-127. 2015.

A Newly Recorded of *Zingiber nitens* M.F. Mewman for Flora in Vietnam

Nguyen Viet Hung¹, Le Thi Huong¹, Do Ngoc Dai²,
Ly Ngoc Sam³, Nguyen Trung Thành⁴

¹Faculty of Biology, Vinh University, Nghe An

²Faculty of Agriculture, Forestry and Fishery, Nghe An College of Economics, Nghe An

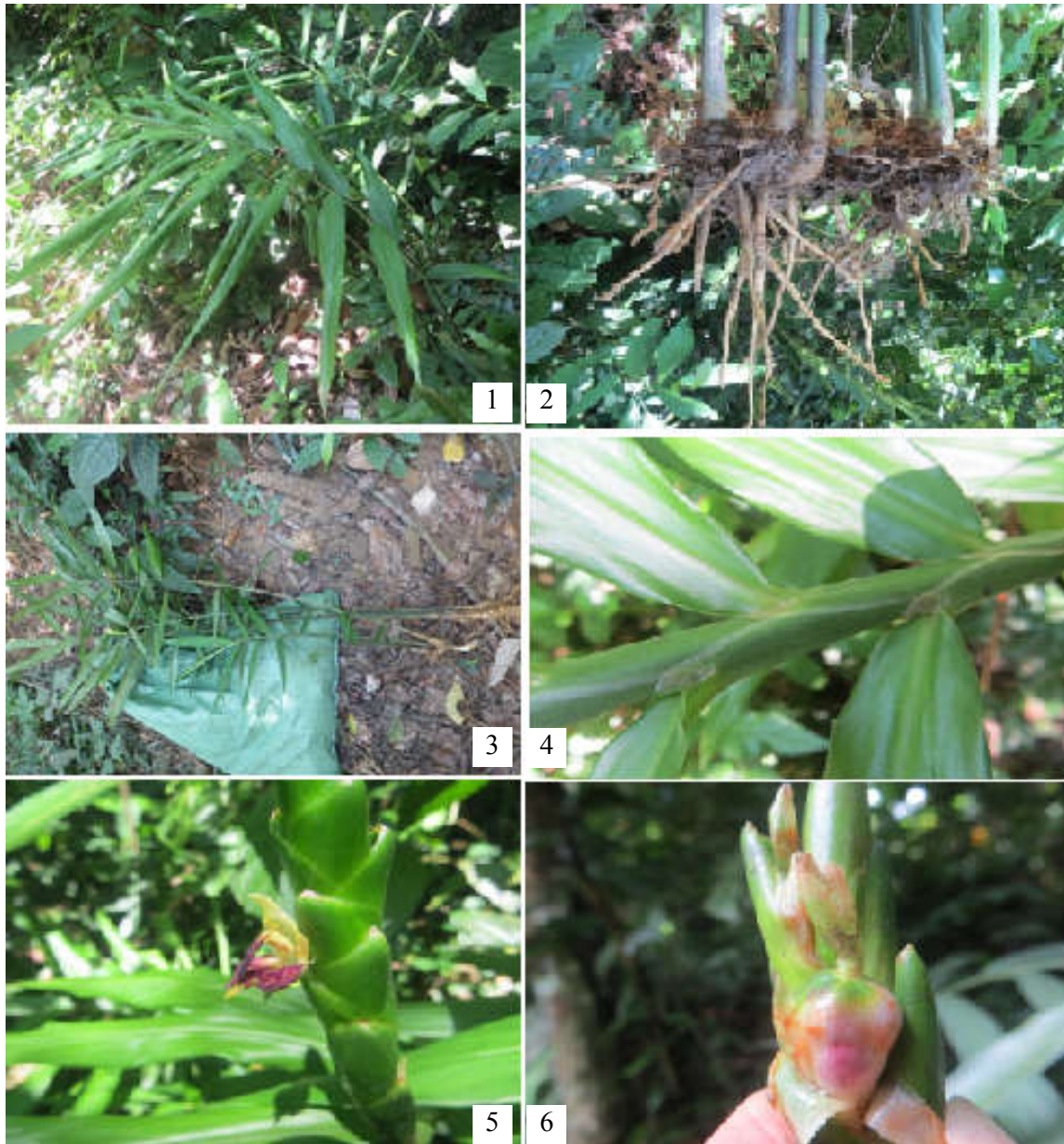
³Institute of Ecology and Biological Resources, Vietnam Academy of Science and Technology, Hanoi

⁴Faculty of Biology, VNU University of Science, 334 Nguyen Trai, Hanoi, Vietnam

Abstract: Recently, the genus *Zingiber* comprises about 144 species mainly distributed in the tropics, there were 34 *Zingiber* species recorded in Vietnam. In this paper, we reported *Zingiber nitens* M.F. Mewman newly recorded for the flora of Vietnam. Voucher specimens were collected in Nghe An province (Pu Mat National Park: Khe Kem, Khe Bu, Chau Khe; Pu Huong: Binh Chuan, Nga My; Pu Hoat: Hanh Dich; Ky Son: Nam Can, Na Ngoi) and Ha Tinh (Vu Quang Natopnal Park: Doc De; Huong Son district: Son Kim I), deposited in the Herbarium of the Biology Vinh University and herbarium of Vietnam Museum National (VNMN).

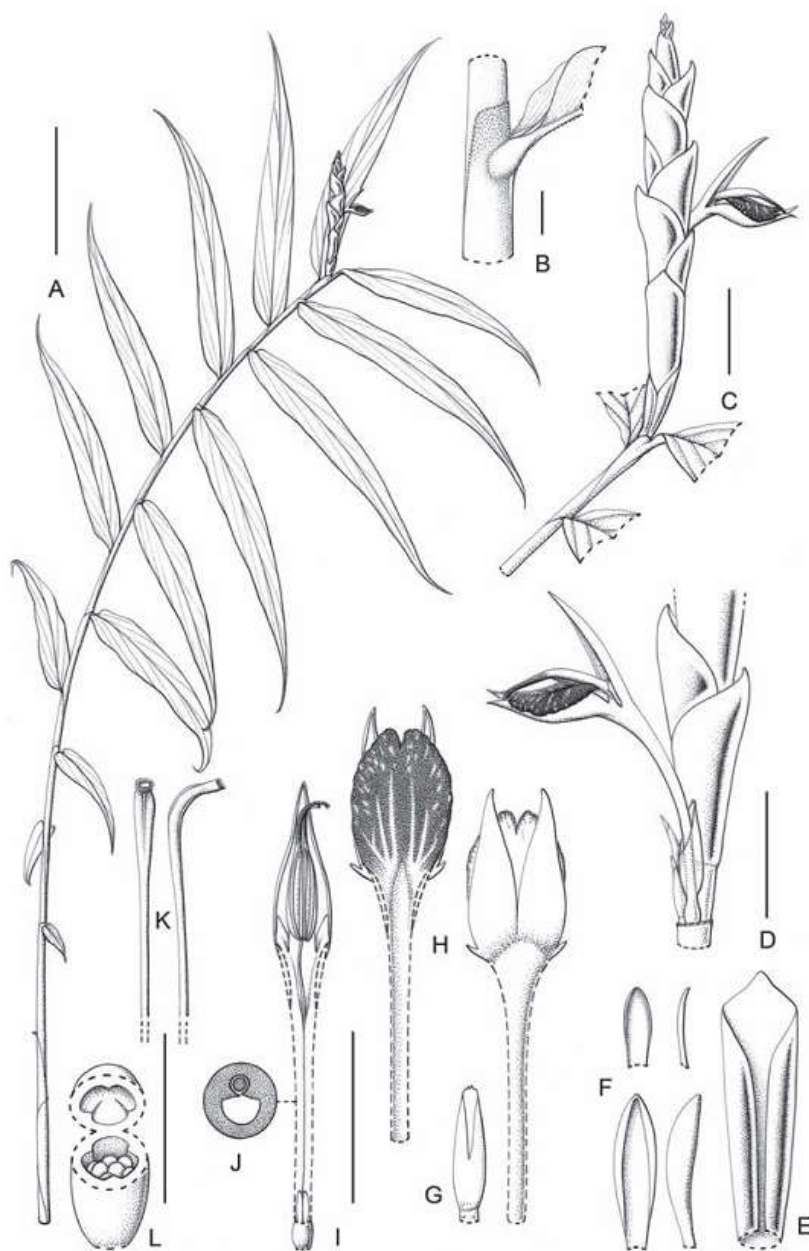
Clump-forming herb 0.65–1.5 m tall. Rhizomec. 1 -1,2 cm in diameter; ligule 3–5 mm, translucent green when young. Leaf blade narrowly elliptic, 18–25 × 2–3 cm, glabrous and shiny adaxially. Inflorescencea terminal, erect thyse, 9–13 × 1.3–2 cm, cylindrical to fusiform, composed of 9–15 bracts. Bracts subtending to 3–4 flowers, c. 3.5cm × 3.3 cm, glossy, dark green, glabrous, surface with minute oil glands, apex acute, margin translucent. First flower of cincinnus ebracteolate, subsequent flowers with a boat-shaped bracteole, open to base, c. 20 × 6.5 mm, translucent at base. Calyx 1.3–1.6 × 0.4 cm, tubular, translucent, glabrous, split halfway down one side, apex with 2 short. Petal, white at base, pale yellow at apex, lobes pale yellow, glabrous, 1.9–2.1 × 0.6 cm, labellum elliptic, c. 1.8 × 1.1–1.25 cm, dark maroon with small yellow dots and yellow patch in throat. Stamen: filament 0.25–0.3 × 0.3 mm long, yellow; anther c. 0.11 × 4 mm; anther crest 9–10 mm long. Stylewhite, glabrous, stigma white, round, scarcely wider than style; ovary cylindrical, c. 3.5 × 2.5 mm, glabrous. Capsule triangle, c. 1,5x 1 cm.

Keywords: *Zingiber nitens*, *Zingiber*, Zingiberaceae, Nghe An, Ha Tinh.



Ảnh. *Zingiber nitens* M.F. Mewnam 1-2. cảnh mang lá; 3. rễ, 4. luõi lá, 5. cụm hoa, 6. cụm quả.

(Ảnh Nguyễn Việt Hùng, Khe Kèm, Pù Mát, 2014).



Hình 1. *Zingiber nitens* M.F. Newman
 A. cây mang lá và cụm hoa; B. cuống lá và lưỡi lá; C. cụm hoa; D. cụm hoa;
 E-F. lá bắc; G. đài; H. hoa nhìn mặt sau; I. nhị; L. nhụy.

(Hình theo M.F. Newman, 2015).